|  |  |
| --- | --- |
| **CHÍNH PHỦ**  Số: /2020/NĐ-CP  **DỰ THẢO ĐỀ CƯƠNG NGHỊ ĐỊNH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *Hà Nội, ngày tháng năm 2020* |
|  |  |

**NGHỊ ĐỊNH**

**Khuyến khích cơ sở sản xuất, chế biến nông, lâm, thủy sản**

**đầu tư áp dụng hoặc chuyển đổi công nghệ mới, tiên tiến,**

**công nghệ sạch thân thiện môi trường**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật khoa học và công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;*

*Căn cứ Luật chuyển giao công nghệ ngày 19 tháng 8 năm 2017;*

*Căn cứ Luật doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014;*

*Căn cứ Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa ngày 12 tháng 6 năm 2017;*

*Căn cứ Luật đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;*

*Căn cứ Luật bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;*

*Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014;*

*Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ;*

*Chính phủ ban hành Nghị định khuyến khích các cơ sở sản xuất, chế biến nông, lâm, thủy sản đầu tư áp dụng hoặc chuyển đổi công nghệ mới, tiên tiến, công nghệ sạch thân thiện môi trường.*

**Chương I**

**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị định này quy định về chính sách khuyến khích các cơ sở sản xuất, chế biến nông, lâm, thủy sản đầu tư áp dụng hoặc chuyển đổi công nghệ mới, tiên tiến, công nghệ sạch thân thiện môi trường.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Nghị định này áp dụng đối với:

1. Cơ sở sản xuất, chế biến nông, lâm, thủy sản, được thành lập, đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật và có dự án đầu tư, đổi mới công nghệ*;*

2. Cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân liên quan thực hiện chính sách ưu đãi và hỗ trợ theo quy định tại Nghị định này.

**Điều 3. Giải thích từ ngữ**

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Cơ sở sản xuất, chế biến nông, lâm, thủy sản là doanh nghiệp, liên hiệp hợp tác xã, hợp tác xã, hộ gia đình và các tổ chức tham gia hoạt động bảo quản, chế biến nông, lâm, thủy sản.

2. Công nghệ mới là công nghệ lần đầu tiên được tạo ra hoặc ứng dụng tại Việt Nam hoặc trên thế giới, có trình độ cao hơn trình độ công nghệ cùng loại hiện có tại Việt Nam, thân thiện với môi trường, có tính ứng dụng trong thực tiễn và khả năng nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm.

3. Công nghệ tiên tiến là công nghệ có trình độ công nghệ cao hơn trình độ công nghệ cùng loại hiện đang áp dụng tại Việt Nam, đã được ứng dụng trong thực tiễn, đảm bảo nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm và thân thiện với môi trường.

4. Công nghệ sạch thân thiện với môi trường là công nghệ phát thải ở mức thấp chất gây ô nhiễm môi trường theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật, sử dụng ít tài nguyên không tái tạo hơn so với công nghệ hiện có.

5. Đổi mới công nghệ là hoạt động thay thế một phần hoặc toàn bộ công nghệ đang sử dụng bằng một phần hoặc toàn bộ công nghệ khác nhằm nâng cao năng suất, chất lượng và khả năng cạnh tranh của sản phẩm.

6. Quy mô công nghiệp là quá trình sản xuất tập trung, được áp dụng đồng bộ công nghệ và thiết bị để tạo ra sản phẩm đáp ứng chất lượng và số lượng ở quy mô lớn.

7. Thực hiện dự án đầu tư áp dụng công nghệ mới, tiên tiến, công nghệ sạch thân thiện môi trường là việc sử dụng kết quả khoa học và công nghệ để thực hiện dự án sản xuất, kinh doanh mới trong hoạt động sản xuất, kinh doanh của cơ sở.

8. Cơ sở thực hiện dự án chuyển đổi công nghệ mới, tiên tiến, công nghệ sạch thân thiện môi trường là việc sử dụng kết quả khoa học và công nghệ để thực hiện dự án thay thế toàn bộ công nghệ hiện có trong hoạt động sản xuất, kinh doanh cùng lĩnh vực của cơ sở.

9. Sản phẩm quốc gia là sản phẩm thuộc các lĩnh vực ưu tiên phát triển của Nhà nước, được sản xuất, chế tạo dựa trên các kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ với những nguyên lý công nghệ mới và ý tưởng thiết kế mới, nâng cao đáng kể hiệu suất hoặc tính năng của sản phẩm.

10. Sản phẩm chủ lực là sản phẩm hàng hóa có khả năng sản xuất, cung ứng với khối lượng lớn và năng lực cạnh tranh cao; là trung tâm lan tỏa, lôi kéo các ngành nghề khác cùng phát triển; đồng thời là sản phẩm thể hiện tính đặc thù riêng, mang ý nghĩa văn hóa của một quốc gia, địa phương hay vùng lãnh thổ.

**Điều 4. Nguyên tắc áp dụng ưu đãi và hỗ trợ**

1. Đối tượng được hưởng chính sách ưu đãi và hỗ trợ lập dự án đầu tư áp dụng, chuyển đổi công nghệ và được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Nhà nước ưu đãi thông qua chính sách về thuế, đất đai cho cơ sở sản xuất, chế biến.

3. Nhà nước hỗ trợ một phần kinh phí thực hiện các nội dung, nhiệm vụ khoa học và công nghệ được hình thành trong dự án đầu tư áp dụng, chuyển đổi công nghệ bao gồm các khoản: mua bản quyền công nghệ, chuyển giao công nghệ và thiết bị, nghiên cứu hoàn thiện công nghệ, đầu tư thiết bị đo lường, phân tích, thí nghiệm, chi phí sản xuất thử nghiệm, chi phí đào tạo nhân lực, chi phí xây dựng thương hiệu sản phẩm, tham gia hội chợ, triển lãm, …

**Chương II**

**DANH MỤC CÔNG NGHỆ VÀ ĐỐI TƯỢNG ỨNG DỤNG ƯU TIÊN**

**Điều 5. Danh mục công nghệ được ưu tiên đầu tư áp dụng, đổi mới công nghệ**

1. Công nghệ sơ chế bảo quản hạt nông sản (lúa, ngô, đậu, lạc, cà phê, điều…), rau củ quả và thủy sản;

2. Công nghệ chế biến tinh, chế biến sâu các mặt hàng nông, lâm, thủy sản ở quy mô công nghiệp;

3. Công nghệ xử lý, chế biến các phế phụ phẩm trong nông nghiệp làm thức ăn chăn nuôi, phân bón, chất đốt…;

4. Công nghệ chế biến sản phẩm truyền thống, sản phẩm chủ lực địa phương, quy mô tập trung;

*(Danh mục công nghệ cụ thể sẽ được xây dựng tại Phụ lục kèm theo Nghị định này tại bước tiếp theo trên cơ sở các danh mục đã được ban hành tại các văn bản pháp luật và bổ sung các danh mục mới phù hợp với yêu cầu của ngành công nghiệp chế biến nông ,lâm, thủy sản)*

**Điều 6. Danh mục đối tượng ứng dụng được ưu tiên đầu tư áp dụng, đổi mới công nghệ**

1. Cơ sở sản xuất, chế biến nông, lâm, thủy sản thuộc các nhóm mặt hàng sản phẩm ưu tiên (sản phẩm chủ lực, sản phẩm quốc gia, sản phẩm truyền thống...);

2. Cơ sở sản xuất, chế biến nông, lâm, thủy sản có dự án đầu tư áp dụng, đổi mới công nghệ tại các vùng chuyên canh, vùng nguyên liệu, khu vực nông thôn, miền núi và hải đảo với quy mô sản xuất công nghiệp;

3. Cơ sở sản xuất, chế biến nông, lâm, thủy sản có dự án đầu tư áp dụng, đổi mới công nghệ được phát triển từ các công nghệ làng nghề truyền thống ở quy mô công nghiệp;

4. Doanh nghiệp sản xuất, chế biến nông, lâm, thủy sản có dự án đổi mới công nghệ tiên tiến, công nghệ cao ở quy mô công nghiệp lớn, hiện đại.

5. Cơ sở sản xuất, chế biến tận thu phế phụ phẩm (nông, lâm, thủy sản) có dự án đầu tư áp dụng, đổi mới công nghệ đa dạng hóa sản phẩm;

**Chương III**

**QUY ĐỊNH CHÍNH SÁCH ƯU ĐÃI VÀ HỖ TRỢ**

**Mục 1**

**CHÍNH SÁCH VỀ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

**Điều 7. Hỗ trợ thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ từ ngân sách nhà nước**

1. Hỗ trợ triển khai thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ được hình thành trong dự án đầu tư áp dụng hoặc chuyển đổi công nghệ mới, tiên tiến, công nghệ sạch thân thiện môi trường. Trong đó, quy định đối với các loại hình nhiệm vụ, hình thức triển khai cụ thể.

2. Quy định mức kinh phí hỗ trợ khi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ phù hợp với nhóm sản phẩm ưu tiên (sản phẩm chủ lực, sản phẩm quốc gia, sản phẩm truyền thống...), địa bàn triển khai (nông thôn, miền núi, vùng sản xuất chuyên canh…).

3. Quy định về giao quyền sở hữu kết quả sau thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cho các cơ sở sản xuất và chế biến (doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ gia đình,…).

4. Quy định các hỗ trợ khác thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ.

**Điều 8. Hỗ trợ thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ từ nguồn kinh phí của các cơ sở sản xuất, chế biến tự đầu tư, đổi công nghệ**

1. Hỗ trợ cho các cơ sở sản xuất, chế biến nông, lâm, thủy sản tự thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ được hình thành trong dự án đầu tư áp dụng hoặc chuyển đổi công nghệ mới, tiên tiến, công nghệ sạch thân thiện môi trường.

2. Quy định các nội dung được ưu tiên hỗ trợ do cơ sở tự đầu tư, thực hiện như: mua bản quyền công nghệ, chuyển giao công nghệ và thiết bị, thuê chuyên gia tư vấn, nghiên cứu hoàn thiện công nghệ, đầu tư thiết bị đo lường, phân tích, thí nghiệm, chi phí sản xuất thử nghiệm, chi phí đào tạo nhân lực, chi phí xây dựng thương hiệu sản phẩm, tham gia hội chợ, triển lãm….

3. Quy định mức kinh phí hỗ trợ đối với các hoạt động khoa học và công nghệ khi cơ sở sản xuất, kinh doanh tự thực hiện, phù hợp với nhóm công nghệ ưu tiên, nhóm sản phẩm ưu tiên (sản phẩm chủ lực, sản phẩm quốc gia, sản phẩm truyền thống...), địa bàn triển khai (nông thôn, miền núi, vùng sản xuất chuyên canh…).

**Điều 9. Hỗ trợ một số nội dung do cơ sở sản xuất, chế biến tự đầu tư**

1. Quy định hỗ trợ kinh phí tự nghiên cứu giải mã công nghệ, thực hiện hợp đồng chuyển giao công nghệ và thiết bị thuộc dự án đầu tư, đổi mới công nghệ.

2. Quy định về hỗ trợ kinh phí đào tạo nguồn nhân lực về khoa học và kỹ thuật, đào tạo nghề cho sản xuất, chế biến phù hợp với dự án đầu tư, đổi mới công nghệ.

3. Quy định hỗ trợ kinh phí đầu tư phòng thí nghiệm, nghiên cứu phát triển công nghệ, sản phẩm; phân tích, kiểm nghiệm.

4. Quy định hỗ trợ kinh phí thực hiện các hoạt động xây dựng thương hiệu sản phẩm, xúc tiến thương mại, tham gia hội chợ, triển lãm, phát triển tiêu thụ sản phẩm…

**Mục 2**

**CHÍNH SÁCH VỀ THUẾ**

**Điều 10. Ưu đãi thuế**

1. Ưu đãi thuế của cơ sở sản xuất, chế biến nông, lâm, thủy sản thực hiện theo quy định pháp luật về thuế.

2. Dẫn chiếu quy định cụ thể ưu đãi thuế thu nhập, thuế nhập khẩu, thuế xuất khẩu, thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập cao tại các văn bản pháp luật có liên quan~~.~~

**Mục 3**

**CHÍNH SÁCH VỀ ĐẤT ĐAI VÀ HẠ TẦNG**

**Điều 11. Ưu đãi cấp quyền sử dụng đất đai, mặt nước**

1. Ưu đãi về cấp quyền sử dụng đất đai, nước mặt thuộc dự án đầu tư của cơ sở sản xuất, chế biến nông, lâm, thủy sản từ thực hiện dự án đầu tư mới hoặc chuyển đổi công nghệ tại các vùng chuyên canh nông, lâm, thủy sản.

2. Quy định cụ thể điều kiện được cấp quyền sử dụng đất đai, nước mặt thuộc các vùng được ưu tiên.

**Điều 12. Ưu đãi thuế sử dụng đất, mặt nước**

1. Quy định về miễn, giảm thuế sử dụng đất đai, nước mặt tại các vùng chuyên canh nông, lâm, thủy sản phục vụ cho thực hiện dự án đầu tư mới hoặc chuyển đổi công nghệ tại các vùng chuyên canh nông, lâm, thủy sản.

2. Quy định cụ thể điều kiện được miễn, giảm thuế sử dụng đất đai, nước mặt tại các vùng được ưu tiên.

**Điều 13. Ưu đãi đối với cơ sở sản xuất, chế biến nông, lâm, thủy sản vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn, vùng biên giới, hải đảo**

1. Quy định ưu đãi về hạ tầng cấp điện, cấp nước, viễn thông của thuộc vùng chuyên canh do các cơ sở sản xuất, chế biến nông, lâm, thủy sản đầu tư xây dựng và kinh doanh theo quy định hiện hành.

2. Quy định đặc thù đối với các lĩnh vực, sản phẩm ưu tiên do Chính phủ và địa phương quy định.

**Mục 4**

**CHÍNH SÁCH VỀ TÀI CHÍNH**

**Điều 14. Ưu đãi tín dụng cho cơ sở sản xuất, chế biến**

1. Ưu đãi cho vay thực hiện các dự án đầu tư mới hoặc chuyển đổi công nghệ của cơ sở sản xuất, chế biến nông, lâm, thủy sản từ thực hiện dự án đầu tư mới chuyển đổi công nghệ, có quy định cụ thể các mức theo đối tượng sản phẩm ưu tiên.

2. Quy định cụ thể điều kiện được hưởng thuế giá trị gia tăng.

**Điều 15. Hỗ trợ vay vốn**

1. Hỗ trợ vay vốn thực hiện dự án đầu tư áp dụng hoặc chuyển đổi công nghệ mới, tiên tiến, công nghệ sạch thân thiện môi trường từ Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia, Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của bộ, ngành, địa phương và các quỹ khác trong thời gian nhất định thực hiện dự án.

2. Hỗ trợ vay vốn của các tổ chức tín dụng trong và ngoài nước thực hiện dự án đầu tư áp dụng hoặc chuyển đổi công nghệ mới, tiên tiến, công nghệ sạch thân thiện môi trường đối với cở sản xuất, chế biến nông, lâm, thủy sản.

3. Quy định cụ thể điều kiện được hỗ trợ vay vốn.

**Chương IV**

**NGUỒN VỐN VÀ CƠ CHẾ HỖ TRỢ**

**Điều 16. Nguồn vốn hỗ trợ**

Quy định cụ thể các nguồn kinh phí hỗ trợ (trung ương và địa phương) cho thực hiện các nội dung, nhiệm vụ sau:

1. Nguồn kinh phí hỗ trợ thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ từ ngân sách nhà nước.

2. Nguồn kinh phí hỗ trợ trực tiếp cho cơ sở sản xuất, chế biến tự đầu tư áp dụng, đổi mới công nghệ, hoạt động mua bản quyền hoặc chuyển giao công nghệ, dây chuyền thiết bị....

3. Nguồn kinh phí hỗ trợ cho các nội dung khác.

**Điều 17. Cơ chế hỗ trợ**

Quy định cụ thể điều kiện, hình thức thực chính sách hỗ trợ đối với các nội dung nhiệm vụ phù hợp với các nguồn kinh phí:

1. Đối với hỗ trợ thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ từ ngân sách nhà nước.

2. Đối với kinh phí hỗ trợ cho hoạt động mua bản quyền hoặc chuyển giao công nghệ, dây chuyền thiết bị.

3. Đối với nguồn hỗ trợ hợp khác.

**Chương V**

**TRÌNH TỰ VÀ THỦ TỤC THỰC HIỆN ƯU ĐÃI, HỖ TRỢ**

**Điều 18. Đối với ưu đãi**

1. Quy định về hồ sơ đề nghị.

2. Quy định về trình tự, thủ tục hưởng ưu đãi.

**Điều 19. Đối với hỗ trợ thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước**

1. Quy định về hồ sơ đề nghị hỗ trợ.

2. Quy định về trình tự, thủ tục thực hiện hỗ trợ.

**Điều 20. Đối với hỗ trợ cơ sở sản xuất, chế biến tự đầu tư thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ**

1. Hồ sơ đề nghị hỗ trợ:

2. Quy định về trình tự, thủ tục thực hiện hỗ trợ.

**Điều 21. Đối với hỗ trợ chuyển giao công nghệ, mua dây chuyền thiết bị sản xuất**

1. Hồ sơ đề nghị hỗ trợ.

2. Quy định về trình tự, thủ tục thực hiện hỗ trợ.

**Điều 22. Đối với hỗ trợ cơ sở sản xuất, chế biến về đào tạo nghề, đầu tư phòng thí nghiệm, xây dựng thương hiệu, …**

1. Hồ sơ đề nghị hỗ trợ.

2. Quy định về trình tự, thủ tục thực hiện hỗ trợ.

**Điều 23. Đối với hỗ trợ vay vốn với lãi suất ưu đãi, hỗ trợ lãi suất vay để thực hiện dự án đầu tư áp dụng, đổi mới công nghệ, chính sách miễn giảm thuế, ưu đãi sử dụng đất**

1. Hồ sơ đề nghị hỗ trợ.

2. Trình tự và thủ tục thực hiện hỗ trợ:

**Chương VI**

**TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**Điều 24. Trách nhiệm của bộ, ngành**

1. Bộ Khoa học và Công nghệ

2. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

3. Bộ Công Thương

4. Bộ Tài chính

5. Bộ Kế hoạch và Đầu tư

6. Bộ Tài nguyên và Môi trường

7. Các Bộ, ngành liên quan

**Điều 25. Trách nh****iệm của địa phương**

1. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

2. Các Sở, ngành của địa phương

3. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh

**Chương VII**

**ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

**Điều 26. Hiệu lực thi hành**

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ...

**Điều 27. Điều khoản chuyển tiếp**

1. Quy định chuyển tiếp liên quan đến việc dự án đầu tư mới được phê duyệt trước ngày Nghị định có hiệu lực

2. Quy định chuyển tiếp liên quan đến việc các cơ chế, chính sách ưu đãi, hỗ trợ đang được hưởng.

**Điều 28. Trách nhiệm thi hành**

1. Trách nhiệm của Bộ Khoa học và Công nghệ.

2. Trách nhiệm của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

3. Trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân có liên quan./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Ban Bí thư Trung ương Đảng; - Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ; - Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; - HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc trung ương;  - Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;  - Văn phòng Tổng bí thư;  - Văn phòng Chủ tịch nước; - Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội; - Văn phòng Quốc hội;  - Tóa án nhân dân tối cao;  - Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;  - Kiểm toán nhà nước; - Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; - VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo; - Lưu: VT, KGVX (...). | **TM. CHÍNH PHỦ**  **THỦ TƯỚNG** |